

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16** /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2020

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Châu
2. Ông Trần Đại Nghĩa.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Lê Phương T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp 1, xã NN, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn:*** Anh **Phạm Văn S**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 2, Xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Phương T trình bày:***

Chị và anh Phạm Văn S tìm hiểu, yêu thương nhau được một năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận vào ngày 25/02/2013. Sau khi kết hôn thì chị và anh S sống chung với cha mẹ chồng tại xã Lộ 25, huyện T được khoảng 2 tháng, sau đó anh chị chuyển về nhà cha mẹ đẻ của chị tại huyện C để sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng chị phát sinh từ khoảng tháng 01/2016. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh S không tu chí làm ăn, chăm lo cho gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè đá banh, uống rượu say xỉn về nhà xúc phạm chị T và cha mẹ đẻ của chị. Sự việc này

xảy ra thường xuyên, hai đến ba lần trong một tuần nên chị T không chấp nhận được, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Cha mẹ chị T cũng ngồi nói chuyện với vợ chồng chị, góp ý để anh S sửa đổi tính tình, khắc phục lối sống nhưng anh S hứa mà không thực hiện. Vào ngày 20/4/2016 sau khi anh S đi đá banh, sau đó đi nhậu về thì giữa anh chị xảy ra cãi nhau dẫn đến xô xát, cha mẹ chị T và chị T đã đuổi anh S ra khỏi nhà. Từ đó, vợ chồng chị phần ai nấy sống, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị T không còn tình cảm với anh S nữa nên yêu cầu tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là Phạm Ngọc Trúc U, sinh ngày 01/01/2014. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Từ khi anh chị ly thân một mình chị lo cho con nên con hiện đang sống cùng với chị. Chị T hiện làm công nhân thu nhập bình quân 8.000.000đ/tháng, có nơi cư trú ổn định đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các bản tự khai, biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh S thừa nhận quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn đúng như trình bày của chị T, đây là hôn nhân lần đầu của cả anh S và chị T. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại gia đình anh S đến tháng 8/2013 sau đó anh chuyển về ở rể tại nhà cha mẹ vợ ở C. Thời gian đầu ở nhà ngoại anh S và chị T chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2015, nguyên nhân do bản thân anh S ham vui, thích tụ tập bạn bè chơi đá banh sau giờ làm việc, sau khi đá banh thì bạn bè có tụ tập uống cà phê, nhiều lúc uống rượu về muộn thì chị T và cha mẹ chị T luôn tỏ ra khó chịu và muốn anh S thay đổi, dành nhiều thời gian cho gia đình tuy nhiên anh S không thực hiện được. Sau nhiều lần khuyên anh S từ bỏ thói quen không được thì giữa anh S và chị T có nhiều lần xảy ra mâu thuẫn xúc phạm danh dự nhau. Mỗi lần xảy ra mâu thuẫn thì cha mẹ chị T không phân biệt đúng sai đứng về phía chị T xúc phạm danh dự của anh. Mặt khác, anh S nghĩ một phần nguyên nhân mâu thuẫn do phía cha mẹ vợ và chị T coi thường anh S không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Vào 20/4/2016 khi anh S đi đá banh sau đó đi nhậu về thì giữa anh S và Chị T xảy ra xô xát, cha mẹ chị T và chị T đuổi anh S ra khỏi nhà. Do quá bức xúc nên anh S đã bỏ về cha mẹ đẻ tại xã L. Thời gian sống ly thân, chị T không cho anh S cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến nay anh S đã không còn biện pháp gì để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng tuy nhiên bản thân theo đạo thiên chúa, việc ly hôn là lỗi đạo nên anh S không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị T, tùy tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là Phạm Ngọc Trúc U, sinh ngày 01/01/2014. Từ khi anh chị ly thân, con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp tòa án giải quyết ly hôn, anh S đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con của các đương sự, giao cháu Phạm Ngọc Trúc U, sinh ngày 01/01/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Lê Phương T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Phạm Văn S có nơi cư trú tại: Ấp 2, Xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phạm Văn S vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Về hôn nhân: Chị Lê Phương T và anh Phạm Văn S tự nguyện kết hôn có đăng ký và được Ủy ban nhân dân Xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/02/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh S là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chị T, anh S chung sống cùng nhà cha mẹ chị T đã để xảy ra mâu thuẫn từ khoảng năm 2015. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra theo chị T, anh S trình bày một phần do anh S sống thiếu sự quan tâm, chăm lo cho gia đình, hay tụ tập bạn bè chơi bời. Bản thân anh S cho rằng chị T và gia đình vợ có thái độ coi thường anh nên xảy ra bất đồng quan điểm sống. Nhiều lần vợ chồng nói chuyện là xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau nên cha mẹ chị T đã đuổi anh S đi khỏi nhà. Chị T, anh S sống ly thân từ tháng 4/2016 cho đến nay. Quá trình ly thân anh S cũng nhiều lần chủ động nói chuyện, khuyên nhủ chị T bỏ qua mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ chung

sống nhưng chị T không đồng ý. Anh S cũng thừa nhận không thể có biện pháp để hòa giải cho anh và chị T về chung sống nhưng không đồng ý ly hôn do anh là người có đạo.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống gia đình anh S, chị T đã thiếu sự yêu thương, quan tâm và tôn trọng lẫn nhau nên vợ chồng đã xảy ra cãi vã, xô xát. Mâu thuẫn kéo dài đã làm ảnh hưởng đến tình cảm của vợ chồng nên anh chị đã phải sống ly thân, nhiều lần anh chị đã nói chuyện, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục. Cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T đối với anh S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là Phạm Ngọc Trúc U, sinh ngày 01/01/2014. Ý kiến của chị T và anh S thống nhất thỏa thuận về việc chị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu U. Xét thấy chị T đều đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận về thỏa thuận nuôi con chung của chị T, anh S.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Phương T và anh Phạm Văn S

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh S về nuôi con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục Phạm Ngọc Trúc U, sinh ngày 01/01/2014. Tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006109 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh S vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Thi hành án dân sự H. Thống Nhất;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đào Thị Kiều Vân

